



ISO 9001:2008

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: VĂN HOÁ DU LỊCH

MÃ NGÀNH: 601

I. Giới thiệu chung:

I.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Văn hoá Du lịch có trình độ lý luận, phẩm chất chính trị, có đạo đức, tư cách tốt, yêu ngành, yêu nghề. Các cử nhân văn hoá du lịch được trang bị các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về văn hoá và du lịch. Phục vụ tốt công tác nghiệp vụ hoạt động tại các doanh nghiệp du lịch và các tổ chức liên quan.

I.2. Mục tiêu cụ thể

I.2.1. Về chính trị tư tưởng

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng vận dụng vào thực tiễn Việt Nam; thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

I.2.2. Về đạo đức

Sinh viên được giáo dục lòng trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, khiêm tốn, trung thực, có ý thức trách nhiệm, có tác phong công nghiệp, có thái độ cầu thị, hòa hợp, luôn có ý thức vươn lên trong chuyên môn nghiệp vụ.

I.2.3. Về chuyên môn, nghiệp vụ

Đào tạo cử nhân Văn hóa du lịch:

- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu của ngành Văn hóa du lịch như lịch sử, văn hóa, địa lý và tài nguyên du lịch, tâm lý khách du lịch,...

- Có kiến thức tổng quan về du lịch và dịch vụ, các nghiệp vụ du lịch, marketing và kinh doanh du lịch, quản lý doanh nghiệp du lịch (khách sạn, nhà hàng, lữ hành).

- Có các kỹ năng thực hiện các thao tác nghiệp vụ du lịch của nhân viên tại các doanh nghiệp lữ hành hoặc các khách sạn, nhà hàng.

- Có kỹ năng thực hiện nghiệp vụ của cán bộ sở (phòng) Văn hóa, thể thao và du lịch; cán bộ viện nghiên cứu, bảo tàng; cán bộ giảng dạy...

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

1.2.4. Về sức khỏe:

- Có hiểu biết và phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thường xuyên rèn luyện cơ thể để có sức khỏe đảm bảo công tác lâu dài và sẵn sàng chiến đấu giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ)

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: Gồm 130 tín chỉ bắt buộc bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

1.5. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, trúng tuyển vào ngành Văn hóa du lịch của trường. Có đủ sức khỏe học tập.

1.6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cuối khóa học sinh viên phải làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp.

1.6.2. Điều kiện tốt nghiệp

* **Điều kiện nhận nhiệm vụ tốt nghiệp:** Các sinh viên được giao nhiệm vụ tốt nghiệp khi:

- Hoàn thành mọi nhiệm vụ học tập về lý thuyết, thực hành, kiến tập, thực tập... theo yêu cầu của ngành học.

- Không còn môn học dưới điểm 5.

- Đạt chứng chỉ ICDL và điều kiện Ngoại ngữ theo qui định của nhà trường

* **Hình thức làm tốt nghiệp:** Có 2 hình thức làm tốt nghiệp:

- Các sinh viên xếp loại khá, giỏi làm Khóa luận tốt nghiệp.

- Các sinh viên xếp loại trung bình thi tốt nghiệp các môn:

+ Cơ sở chuyên ngành.

+ Chuyên ngành.

* **Điều kiện nhận bằng tốt nghiệp:** Sinh viên sẽ được nhận bằng tốt nghiệp khi:

- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.

- Có đủ 2 chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

- Đối với sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp: điểm bảo vệ khóa luận tốt nghiệp không dưới 5 điểm.

- Đối với sinh viên thi tốt nghiệp: điểm các bài thi tốt nghiệp không có điểm dưới 5.

I.7. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

II. Nội dung chương trình đào tạo:

II.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ, trong đó:

A. Khối kiến thức giáo dục đại cương (61 tín chỉ)

- A.1. Khối kiến thức giáo dục chung (Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, v.v .): 39 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 64%
- A.2. Khối kiến thức Toán, KHTN: 04 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 6,5%
- A.3. Khối kiến thức KHXH-NV: 18 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 29,5%

B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (61 tín chỉ)

- B.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành: 18 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 29,5%
- B.2. Khối kiến thức ngành, chuyên ngành: 26 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 42,6%
- B.3. Khối kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp: 09 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 13,1%
- B.4. Khóa luận tốt nghiệp: 08 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 13,5%.

C. Khối kiến thức tự chọn bắt buộc (8 tín chỉ)

- C.1. Khối kiến thức đại cương tự chọn: 04 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 50%
- C.2. Khối kiến thức chuyên nghiệp tự chọn: 04 tín chỉ, chiếm tỷ lệ: 50%

D. Khối kiến thức tự chọn không bắt buộc (15 tín chỉ)

Sinh viên được lựa chọn chương trình đào tạo riêng cho mình dưới sự tư vấn, đề xuất của cố vấn học tập theo chương trình chung được trình bày ở trên.

II. 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ					Môn học tiên quyết (*)
				Lên lớp			TH	Tự học, tự NC	
				LT	BT, KT	TL			
A		Khối kiến thức giáo dục đại cương	61						
<i>A1</i>		Khối kiến thức giáo dục chung	39						
<i>A 1.1</i>		<i>Lý luận chính trị</i>	<i>10</i>						
A1.1.1	MLP31021	Những NLCB của CN Mac-Lênin 1	2						
A1.1.2	MLP31032	Những NLCB của CN Mac-Lênin 2	3						A1.1.1
A1.1.3	HCM31021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						A1.1.2
A1.1.4	VRP31031	Đường lối cách mạng Việt Nam	3						A1.1.3
<i>A 1.2</i>		<i>Ngoại ngữ</i>	<i>21</i>						
A1.2.1	ENG31041	Tiếng Anh 1	4						
A1.2.2	ENG31042	Tiếng Anh 2	4						A1.2.1
A1.2.3	ENG31053	Tiếng Anh 3	5						A1.2.2
A1.2.4	ENG31054	Tiếng Anh 4	5						A1.2.3
A1.2.5	ENG31035	Tiếng Anh 5	3						A1.2.4
<i>A 1.3</i>		<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>3</i>						
		Học phần bắt buộc	2						
A1.3.1	SWI31011	Bơi lội	1						
A1.3.2	APE31011	Điện kinh - Thể dục	1						
		Học phần tự chọn bắt buộc	1						
A1.3.3	VOL31011	Bóng chuyền	1						
A1.3.4	FOO31011	Bóng đá	1						
A1.3.5	BAD31011	Cầu lông	1						
<i>A 1.4</i>	<i>NDE31051</i>	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	<i>5</i>						
A2		Khối kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên, Công nghệ và môi trường	4						
A2.9	ICD31021	Tin học đại cương 1 (ICDL)	2						
A2.10	ICD31022	Tin học đại cương 2 (ICDL)	2						A2.1
A3		Khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn	18						
A3.1	LAW31021	Pháp luật đại cương	2						
A3.2	GVH31021	Đại cương lịch sử Việt Nam	2						
A3.3	BVC31031	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3						
A3.4	HIC31021	Lịch sử văn minh Thế giới	2						A3.2

A3.5	ETH31021	Dân tộc học	2						
A3.6	ETP31011	Thực tế Dân tộc học	1						A3.5
A3.7	GEC31021	Kinh tế học đại cương	2						
A3.8	SST31021	Thống kê xã hội học	2						
A3.9	PCS33021	Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả	2						
B		Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	61						
B1		Khối kiến thức cơ sở khối ngành và nhóm ngành	18						
B1.1	IST32021	Nhập môn khoa học du lịch	2	23	5	12		5	
B1.2	PLT32021	Tâm lý học du lịch	2	28	3	14			B1.1
B1.3	ENT32021	Môi trường du lịch	2	31	2	12			B1.1
B1.4	TGP32021	Địa lý du lịch	2	31	3	7		4	B1.1
B1.5	HNT32021	Hán Nôm dành cho du lịch 1	2	43	2				
B1.6	HNT32022	Hán Nôm dành cho du lịch 2	2	43	2				B1.5
B1.7	BTE32021	Cơ sở kinh tế du lịch	2	30	7	8			B1.1, A3.7
B1.8	TMA32021	Marketing du lịch	2	36.5	2	6.5			B1.1
B1.9	ICT32021	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	21	15	9			
B2		Khối kiến thức của ngành và chuyên ngành	26						
B2.1	SUT33021	Du lịch bền vững	2	29	2	14			B1.3
B2.2	VTD33021	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	30	7.5	4.5		3	B1.4
B2.3	WHV33021	Di sản thế giới ở Việt Nam	2	32	5	8			B1.4
B2.4	TGS33041	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	58	3	13	16		B1.4, B2.2
B2.5	HCP33031	Nghiệp vụ khách sạn	3	32	12.5	13	4	6.5	B1.1
B2.6	TSC33021	Thống kê du lịch	2	41	4				A3.8, B1.7
B2.7	TBA33031	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	41	19	8			B1.8, B2.4
B2.8	HBA33031	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	26.5	23	11		7.5	B1.8, B2.5
B2.9	VFC33021	Phong tục tập quán lễ hội	2	30.5	3	10.5		1	A3.3
B2.10	TLA33011	Pháp luật du lịch	1	15	5	3			A3.1, B1.1
B2.11	TOS33021	Nghiệp vụ điều hành tour	2	17	2	7	19		B2.7
B3		Khối kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp	9						
B3.1	TGP34021	Thực hành hướng dẫn du lịch	2				45		B2.4
B3.2	HCP34021	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	2	15.5	2		27.5		B2.5
B3.3	ITS34021	Thực tập chuyên đề	2						B2.2, B2.4
B3.4	TBP34011	Thực hành quản trị KD lữ hành	1	3			20		B2.7
B3.5	GRP34021	Thực tập tốt nghiệp	2						
B4	EOG37101	Khóa luận tốt nghiệp	8						

C		Khối kiến thức tự chọn bắt buộc (chọn 8 trong số 16 TC)	8						
C.1		Khối kiến thức đại cương tự chọn bắt buộc	4						
C1.1	TLT32021	Văn học dân gian	2	34	2	6		3	
C1.2	VNL32021	Văn học Việt Nam	2	30	2	5	5	3	
C1.3	HOR32021	Lịch sử tôn giáo	2	31	5	4	5		B3.3, B3.4
C.2		Khối kiến thức chuyên nghiệp tự chọn bắt buộc	4						
C2.1	TVP33021	Quy hoạch du lịch	2	31	8	6			B1.4, B2.1
C2.2	OTA33021	Tổ chức hoạt động Teambuilding trong du lịch	2	11	2	2	30		
C2.3	FRP33021	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	28	4	3	8	2	B2.5
C2.4	HFS33021	Tổ chức sự kiện	2	24	9	7	5		
		Cộng bắt buộc (A+B)	120						
		Cộng tự chọn bắt buộc (C)	10						
		Tổng cộng bắt buộc và tự chọn bắt buộc (A+B+C)	130						
D		Khối kiến thức tự chọn không bắt buộc	15						
D1	RMD32011	Phương pháp nghiên cứu KH	2						
D2	VNP32021	Tiếng Việt thực hành	2						
D3	TWS22011	Kỹ năng làm việc đồng đội	1						
D4	ENH31021	Môi trường và con người	2						
D5	EDC33021	Văn hoá ẩm thực	2						A3.3
D6	NST33021	Kỹ năng đàm phán trong DL	2						
D7	ADP33021	Nghiệp vụ quảng cáo DL	2						B1.8
D8	CTB33021	Văn hóa trong kinh doanh DL	2						

Ghi chú:

Số TC: Tổng số tín chỉ của môn học

LT: Số tín chỉ lý thuyết

TH: Thực hành, thí nghiệm, TT giáo trình, ...

BT: Số tín chỉ bài tập

TL: Số tín chỉ thảo luận

(*) Ghi số thứ tự của môn học tiên quyết

II.3. Cây chương trình đào tạo



